

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2017/HNGĐ-ST.

Ngày 29-8-2017.

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Minh;

Bà Lê Thị T Hăng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mộng T, sinh năm 1983; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Minh Q, sinh năm 1982; có mặt.

Chị T, anh Q trú cùng địa chỉ: Ấp PH, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị T trình bày:

Chị và anh Q chung sống với nhau năm 2001, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã GB, huyện TB. Vợ chồng có cuộc sống tự lập. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không còn hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau, anh Q không có trách nhiệm với gia đình. Vào năm 2013 và năm 2016 chị đã nộp đơn yêu cầu ly hôn, Tòa chưa thụ lý thì chị rút đơn lại do anh Q năn nỉ

chị cho anh Q cơ hội sửa chữa khuyết điểm. Sau khi rút đơn, anh Q vẫn không khắc phục khuyết điểm nên vợ chồng ly thân từ tháng 02 năm 2017 đến nay. Hiện tại, chị về nhà cha mẹ chị tại xã CG, huyện GD sống. Từ khi ly thân đến nay anh Q và chị không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên: Đỗ Minh N, sinh ngày 20-8-2002 đang theo sống với anh Q. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh Q nuôi cháu N vì cháu N có nguyện vọng theo sống với anh Q. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Minh Q trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do anh đi làm không có tiền nhiều nên vợ chồng mâu thuẫn nhau. Ngoài ra, có lần chị T chửi cha, mẹ anh nên anh giận quá có đánh chị T nhưng không gây thương tích. Tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau. Anh rất có trách nhiệm với gia đình, ngược lại có nhiều lần chị T đi đến gần sáng mới về nhà nhưng không nói cho anh biết là đi đâu, khi về thì chị T nói là đi đánh bài. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, anh nhiều lần đặt vấn đề đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý.

Nay anh yêu cầu đoàn tụ cùng chị T. Nếu Tòa xét xử cho ly hôn, anh yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Đỗ Minh N, sinh ngày 20-8-2002, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chị T được ly hôn anh Q.

Về con chung: Giao anh Q nuôi cháu Đỗ Minh N, sinh ngày 20-8-2002. Ghi nhận chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q chung sống với nhau vào năm 2001, đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã GB, huyện TB. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2011 đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, anh Q có hành vi bạo hành với chị T. Trong thời gian ly hôn, anh Q nhiều lần đặt vấn đề đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý. Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị T vẫn kiên quyết ly hôn. Qua đó, cho thấy khả năng đoàn tụ không còn. Tòa án có tiến hành xác minh tại địa phương nơi vợ chồng chị T, anh Q sinh sống. Kết quả thể hiện: Địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh Q. Do những mâu thuẫn trên xảy ra trong thời gian dài nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Hôn nhân của chị T và anh Q lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Xét thấy cháu Đỗ Minh N, sinh ngày 20-8-2002 đang theo sống với anh Q và cháu N cũng có nguyện vọng theo sống với anh Q. Anh Q trình bày nếu Tòa xét xử cho anh và chị T ly hôn, anh yêu cầu nuôi cháu N. Chị T không có yêu cầu nuôi cháu N. Vì vậy, có cơ sở giao anh Q tiếp tục nuôi cháu N là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Mặc dù, anh Q không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nhưng chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng là phù hợp với Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Q không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mộng T được ly hôn anh Đỗ Minh Q.
2. Về con chung: Giao anh Đỗ Minh Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Minh N, sinh ngày 20-8-2002.

Chị Lê Thị Mộng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Lê Thị Mộng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008941 ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị T còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã GB;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Ngọc Dũng